

BỘ NỘI VỤ

Số: 674 /QĐ-BNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hiệp hội
Giáo dục nghề nghiệp và Nghề công tác xã hội Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hiệp hội Giáo dục nghề nghiệp và Nghề công tác xã hội Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hiệp hội Giáo dục nghề nghiệp và nghề công tác xã hội Việt Nam đã được Đại hội nhiệm kỳ III thông qua ngày 08 tháng 01 năm 2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hiệp hội Giáo dục nghề nghiệp và Nghề công tác xã hội Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Anh Tuấn;
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Lưu: VT, TCPCP, TT, TNT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Anh Tuấn



ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HIỆP HỘI GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
 VÀ NGHỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI VIỆT NAM

*(Hệ quy định kèm theo Quyết định số 674 /QĐ-BNV
ngày 28 tháng 05 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hiệp hội Giáo dục nghề nghiệp và Nghề công tác xã hội Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Viet Nam Association for Vocational Education - Training and Social Work Profession.
3. Tên viết tắt là: VAVETSOW.
4. Hiệp hội Giáo dục nghề nghiệp và Nghề công tác xã hội Việt Nam có biểu tượng (logo) riêng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hiệp hội Giáo dục nghề nghiệp và Nghề công tác xã hội Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hiệp hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và nghề công tác xã hội tự nguyện thành lập, hoạt động thường xuyên, không vụ lợi nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Hiệp hội, hội viên, cùng giúp đỡ, hỗ trợ nhau hoạt động hiệu quả, góp phần xây dựng, phát triển giáo dục nghề nghiệp, nghề công tác xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hiệp hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng theo quy định của pháp luật. Hiệp hội hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hiệp hội được Bộ Nội vụ phê duyệt.

2. Trụ sở Hiệp hội đặt tại số 1 Đinh Lễ, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Hiệp hội có thể đặt văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hiệp hội hoạt động trên phạm vi toàn quốc, trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và nghề công tác xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Hiệp hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ và cơ quan nhà nước có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hiệp hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hiệp hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hiệp hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cung cấp dịch vụ về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội, tổ chức dạy nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hiệp hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hiệp hội và lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hiệp hội.

7. Thành lập pháp nhân thuộc Hiệp hội theo quy định của pháp luật.

8. Được gây quỹ Hiệp hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao (nếu có).

10. Thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng; ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật; báo cáo Bộ Nội vụ, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hiệp hội hoạt động và cơ quan có liên quan về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hiệp hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hiệp hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hiệp hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hiệp hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hiệp hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hiệp hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy định của Hiệp hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hiệp hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hiệp hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hiệp hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hiệp hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và nghề công tác xã hội có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hiệp hội, tự nguyện gia nhập Hiệp hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hiệp hội;

b) Hội viên liên kết: công dân, tổ chức Việt Nam chưa đủ tiêu chuẩn là hội viên chính thức nhưng có đóng góp cho sự phát triển của Hiệp hội; tán thành Điều lệ Hiệp hội, tự nguyện xin gia nhập được Hiệp hội xem xét, công nhận là hội viên liên kết;

c) Hội viên danh dự: công dân, tổ chức Việt Nam có uy tín, có kinh nghiệm và có công lao đối với sự phát triển trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và nghề công tác xã hội của Việt Nam, tán thành Điều lệ Hiệp hội và có nguyện vọng tham gia được Hiệp hội xem xét, mời làm hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Đối với hội viên tổ chức: Là tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp được quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và nghề công tác xã hội, có địa chỉ cụ thể, có đơn gia nhập Hiệp hội và người đại diện cho hội viên tổ chức tham gia Hiệp hội phải là công dân Việt Nam;

b) Đối với hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam từ đủ 18 (mười tám) tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và nghề công tác xã hội và có đơn gia nhập Hiệp hội;

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được đề đạt nguyện vọng, được Hiệp hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật và phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệp hội.

2. Được Hiệp hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội, được tham gia các hoạt động do Hiệp hội tổ chức theo quy định của Điều lệ.

a) Tổ chức, công dân có đủ điều kiện xin gia nhập Hiệp hội, chỉ chính thức trở thành hội viên sau khi được Ban Thường vụ Hiệp hội quyết định kết nạp.

b) Hội viên tổ chức cử người đại diện tham gia Hiệp hội; người đại diện phải là người có thẩm quyền quyết định, trường hợp ủy nhiệm cho người khác thì người được ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm về sự ủy nhiệm đó.

2. Hồ sơ gia nhập Hiệp hội gửi kèm theo đơn, gồm:

a) Đối với tổ chức: Bản sao có chứng thực quyết định thành lập, giấy phép hoạt động của tổ chức; văn bản cử người đại diện của tổ chức tham gia Hiệp hội; sơ yếu lý lịch của người đại diện;

b) Đối với cá nhân: Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

3. Chấm dứt tư cách hội viên:

a) Hội viên tự nguyện ra khỏi Hiệp hội có đơn gửi Ban Thường vụ Hiệp hội. Quyền và nghĩa vụ của hội viên sẽ chấm dứt sau khi Ban Thường vụ Hiệp hội ra thông báo chấp thuận;

b) Hội viên bị khai trừ theo quy định tại Khoản 4 Điều này.

4. Hội viên bị Ban Thường vụ Hiệp hội có văn bản khai trừ khỏi Hiệp hội khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín hoặc hoạt động của Hiệp hội, hội viên khác;

b) Không đóng hội phí trong vòng 01 (một) năm, kể từ khi Hiệp hội thông báo bằng văn bản nhắc nhở lần thứ 2 (hai);

c) Không chấp hành nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hiệp hội;

d) Làm trái Điều lệ Hiệp hội;

đ) Bị rút giấy phép hoạt động (nếu là tổ chức), không có khả năng tham gia hoạt động hoặc mất quyền công dân (nếu là cá nhân);

e) Không tham gia các hoạt động của Hiệp hội trong thời gian 2 (hai) năm liên tục mà không có lý do chính đáng.

5. Văn bản thông báo chấm dứt tư cách hoặc khai trừ hội viên có hiệu lực kể từ ngày ký.

6. Danh sách hội viên mới được thông báo hàng quý.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hiệp hội

1. Đại hội
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn.
6. Các tổ chức thuộc Hiệp hội:

a) Các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hiệp hội thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Chi hội cơ sở thuộc Hiệp hội được thành lập theo quy định của Hiệp hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội. Chi hội cơ sở thuộc Hiệp hội không có tư cách pháp nhân, tài khoản riêng và con dấu.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hiệp hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hiệp hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hiệp hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hiệp hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

- đ) Các nội dung khác (nếu có);
- e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

- a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;
- b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành. Trừ trường hợp quy định tại Điều 27 của Điều lệ này.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hiệp hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

- a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hiệp hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hiệp hội giữa hai kỳ Đại hội;
- b) Quyết định triệu tập Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường; chuẩn bị các tài liệu, báo cáo, chương trình, kế hoạch Đại hội;
- c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hiệp hội;
- d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hiệp hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hiệp hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hiệp hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hiệp hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hiệp hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/5 (một phần năm) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

- a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp định kỳ 6 (sáu) tháng/1 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc theo đề nghị của Chủ tịch Hiệp hội;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản hoặc thư điện tử.

đ) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Số lượng ủy viên Ban Thường vụ không quá 1/3 (một phần ba) số lượng ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội. Cơ cấu, tiêu chuẩn, việc bầu thay thế, bổ sung ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Thay mặt Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hiệp hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hiệp hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hiệp hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo văn phòng, các ban chuyên môn và tổ chức thuộc Hiệp hội.

d) Tập hợp những kiến nghị của hội viên để xử lý theo thẩm quyền, báo cáo Ban Chấp hành Hiệp hội giải quyết hoặc đề nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật;

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội;

b) Ban Thường vụ họp định kỳ 3 (ba) tháng/1 lần, trường hợp cần thiết có thể họp bất thường theo đề nghị của trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Thường vụ hoặc theo đề nghị của Chủ tịch Hiệp hội;

c) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản hoặc thư điện tử;

d) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

đ) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành.

4. Ban Thường vụ cử ra Thường trực Hiệp hội, gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch chuyên trách và Tổng thư ký thay mặt Ban Thường vụ lãnh đạo, điều hành, hoạt động giữa hai kỳ họp Ban Thường vụ. Thường trực Hiệp hội hoạt động theo quy chế của Ban Thường vụ, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Khi có sự thay đổi Trưởng ban, Phó trưởng ban, ủy viên thì Ban Chấp hành bầu bổ sung.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hiệp hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hiệp hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hiệp hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hiệp hội theo quy định của Hiệp hội và quy định của pháp luật;

c) Tham dự một số cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ theo quy chế làm việc của Ban Chấp hành Hiệp hội;

d) Ban Kiểm tra có nhiệm vụ báo cáo trước Ban Chấp hành và trước Đại hội về hoạt động, chấp hành Điều lệ của Hiệp hội.

3. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành phù hợp với Điều lệ Hiệp hội và tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 17. Chủ tịch và Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch là đại diện pháp luật của Hiệp hội, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hiệp hội. Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ. Tiêu chuẩn Chủ tịch do Ban Chấp hành quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hiệp hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

b) Chủ tài khoản, quản lý tài chính và tài sản của Hiệp hội;

c) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ Nội vụ, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hiệp hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về mọi hoạt động của Hiệp hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hiệp hội theo quy định Điều lệ Hiệp hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hiệp hội;

d) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

đ) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hiệp hội;

e) Khi Chủ tịch vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hiệp hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch.

3. Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hiệp hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hiệp hội do Ban Chấp hành Hiệp hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công tác của Hiệp hội theo sự phân công của Chủ tịch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phù hợp với Điều lệ Hiệp hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Tổng thư ký

1. Tổng thư ký kiêm Chánh Văn phòng Hiệp hội được Ban Chấp hành bầu trong số ủy viên Ban Thường vụ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng thư ký:

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về điều hành công việc của Hiệp hội khi được Chủ tịch giao;

b) Điều hành hoạt động của Văn phòng Hiệp hội, phối hợp hoạt động với các ban chuyên môn, đơn vị Hiệp hội; chỉ đạo, chuẩn bị các nội dung các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về các hoạt động của Hiệp hội;

c) Chịu trách nhiệm về công tác kế hoạch, tổng hợp của Hiệp hội; chuẩn bị các báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hiệp hội;

d) Được Chủ tịch ủy quyền để giải quyết, điều hành các công việc thường xuyên hàng ngày, ký văn bản do Chủ tịch Hiệp hội ủy quyền.

Điều 19. Văn phòng, ban chuyên môn, tổ chức có tư cách pháp nhân và chi hội cơ sở thuộc Hiệp hội

1. Văn phòng là bộ phận tham mưu, giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Hiệp hội để triển khai các hoạt động của Hiệp hội. Các nhân viên Văn phòng Hiệp hội được tuyển dụng và làm việc theo chế độ hợp đồng theo quy định của Bộ luật Lao động và theo quy định của Hiệp hội.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức cấp trưởng, cấp phó của Văn phòng và các ban chuyên môn thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế của Hiệp hội.

2. Các ban chuyên môn của Hiệp hội được thành lập theo quy định của Điều lệ Hiệp hội và quy định của pháp luật, có nhiệm vụ đề xuất tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Hiệp hội về hoạt động chuyên môn của Hiệp hội hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành.

3. Ban Chấp hành quy định cụ thể về nhiệm vụ, nhân sự, quy chế hoạt động của Văn phòng, các ban chuyên môn của Hiệp hội theo quy định của Điều lệ Hiệp hội và quy định của pháp luật.

4. Căn cứ Nghị quyết của Ban chấp hành, Ban Thường vụ Hiệp hội xem xét, quyết định thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hiệp hội để thực hiện các nhiệm vụ của Hiệp hội. Hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hiệp hội được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Chi hội thuộc Hiệp hội là tổ chức không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng được thành lập ở địa phương, tổ chức có ít nhất 10 (mười) hội viên.

Ban Thường vụ Hiệp hội xem xét quyết định thành lập Chi hội cơ sở thuộc Hiệp hội và quy định về tổ chức, hoạt động của Chi hội cơ sở phù hợp với Điều lệ Hiệp hội và quy định của pháp luật.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đổi tên và giải thể Hiệp hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 21. Giải thể Hiệp hội

1. Hiệp hội tự giải thể theo đề nghị của trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức của Hiệp hội.

2. Hiệp hội bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi Hiệp hội vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc Hiệp hội không hoạt động liên tục ít nhất 12 (mười hai tháng).

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể Hiệp hội, việc giải quyết tài sản, tài chính khi giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hiệp hội và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hiệp hội

1. Tài chính của Hiệp hội

a) Nguồn thu của Hiệp hội:

- Hội phí hàng năm của hội viên (mức đóng hội phí hàng năm hội viên là tổ chức có tư cách pháp nhân: từ 3 (ba) đến 5 (năm) triệu đồng/năm; hội viên là công dân: 1 (một) triệu đồng/năm;

- Thu từ các hoạt động của Hiệp hội theo quy định của pháp luật;

- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hiệp hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hiệp hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hiệp hội theo quy định của Ban Chấp hành Hiệp hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hiệp hội bao gồm: trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hiệp hội. Tài sản của Hiệp hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hiệp hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hiệp hội

1. Tài chính, tài sản của Hiệp hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hiệp hội.

2. Tài chính, tài sản của Hiệp hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hiệp hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hiệp hội bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hiệp hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hiệp hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hiệp hội khen thưởng hoặc được Hiệp hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hiệp hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hiệp hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hiệp hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hiệp hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, xóa tên trong danh sách hội viên hoặc đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hiệp hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hiệp hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hiệp hội

Chỉ có Đại hội Hiệp hội Giáo dục nghề nghiệp và Nghề công tác xã hội Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hiệp hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hiệp hội Giáo dục nghề nghiệp và Nghề công tác xã hội Việt Nam gồm 8 (tám) Chương, 27 (hai mươi bảy) Điều đã được Đại hội đại biểu nhiệm kỳ III Hiệp hội Giáo dục nghề nghiệp và Nghề công tác xã hội Việt Nam thông qua ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hiệp hội, Ban Chấp hành Hiệp hội Giáo dục nghề nghiệp và Nghề công tác xã hội Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.